

Tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đến nền kinh tế

 **Ths. Lê Hồ Trung Hiếu**
Ths. Nguyễn Thị Khánh Ngân
TS. Trần Văn Hùng

Nhận: 02/12/2020

Biên tập: 12/12/2020

Duyệt đăng: 22/12/2020

Giới thiệu

Luật Doanh nghiệp (DN) 2014 và các nghị định hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thúc đẩy thành lập, phát triển và mở rộng kinh doanh của các DN. Tuy vậy, bên cạnh những mặt tích cực, một số nội dung của Luật không còn phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tạo gánh nặng chi phí, thời gian cho DN trong việc tuân thủ và một số nội dung cần được sửa đổi để phù hợp với các luật mới ban hành gần đây. Đồng thời, một số nội dung của Luật cần được hoàn thiện thêm nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh theo yêu cầu của Chính phủ và nâng cao chất lượng tổ chức quản trị DN đạt chuẩn mực của thông lệ tốt khu vực và quốc tế. Trước những yêu cầu của thực tiễn, Luật DN số 59/2020/QH14 đã được thông qua, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, ngày 17/6/2020.

Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở những thông tin về nền kinh tế thị trường và vai trò của Luật DN, tác giả sẽ đánh giá các tác động tích cực của những điểm mới Luật DN 2020 đến nền kinh tế thị trường tại Việt Nam, gồm: (i) Quy định thay đổi tỷ lệ vốn trong DN Nhà nước, (ii) Quy định về chuyển

đổi loại hình của DN, (iii) Các quy định bảo vệ cổ đông, (iv) Các quy định về cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin.

Vai trò của Luật DN đối với nền kinh tế thị trường Việt Nam

Trong nền kinh tế thị trường, các quyền tự do kinh doanh của công dân, tự do cạnh tranh của các tổ chức kinh tế cũng như các quyền năng động sáng tạo của các chủ thể này phải được ghi nhận. Đồng thời, để ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực thì không thể thiếu được sự quản lý của Nhà nước trên cơ sở pháp luật, nhất là Luật DN đối với toàn bộ nền kinh tế. Với ý nghĩa nêu trên, Luật DN đóng vai trò hết sức quan trọng đối với nền kinh tế thị trường, cụ thể như sau:

- Thông qua Luật DN, Quốc hội đã thể chế hoá ý chí của Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường của Việt Nam theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa đề ra. Từ các đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng, Luật DN đã đưa ra các quy định để củng cố khung pháp lý có tính chất bắt buộc chung đối với các chủ thể của Luật DN.

- Luật DN góp phần tạo ra môi trường kinh doanh tự do bình đẳng, tạo nên sự cạnh tranh, công bằng giữa các DN không những trong và

ngoài nước. Từ đó, mức độ tin cậy và minh bạch của thị trường sẽ được nâng cao để thu hút các nguồn vốn từ nhiều thành phần khác nhau trong xã hội.

- Luật DN tạo hành lang pháp lý thuận lợi để tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào kinh doanh nhằm tăng nguồn vốn kinh doanh, mở rộng các hoạt động kinh doanh, các hình thức tổ chức kinh doanh, các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh. Thông qua đó, thúc đẩy nền kinh tế ổn định và tăng trưởng.

- Luật DN là cơ sở pháp lý để xác định địa vị pháp lý cho các chủ thể kinh doanh với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của DN. Đồng thời, Luật cũng quy định cách thức xử sự cho từng DN phù hợp với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam như hiện nay.

Nền kinh tế của một quốc gia chỉ thật sự phát triển bền vững khi chúng được vận hành theo một khung pháp lý chặt chẽ và công bằng. Như vậy, trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam, Luật DN là một phần không thể thiếu trong việc xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh cho hoạt động kinh doanh. Nó đảm bảo cho Nhà nước quản lý hiệu quả các chủ thể kinh doanh theo đúng định hướng mà Đảng đề

*** Đại học Văn Lang**

ra, mà không can thiệp sâu vào hoạt động của các tổ chức kinh doanh. Điều này góp phần đảm bảo nền kinh tế thị trường ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Một số tác động tích cực của Luật DN đến nền kinh tế thị trường Việt Nam

Quy định thay đổi tỷ lệ vốn trong DN Nhà nước

Trên thực tế, một số DN Nhà nước theo Luật DN 2014 hoạt động thiếu hiệu quả, phụ thuộc toàn bộ vào nguồn lực Nhà nước nhưng kết quả mang lại chưa tương xứng, dễ thất thoát vốn và thua lỗ gây ảnh hưởng đến nền kinh tế chung của cả nước. Điển hình như năm 2016, 13 tập đoàn và tổng công ty thuộc DN Nhà nước hoạt động không có lãi, nợ phải trả tăng 17% với nhiều dự án thua lỗ trong thời gian dài, đặc biệt là 12 dự án của ngành công thương. Điều này xuất phát từ việc Luật DN 2014 quy định “DN Nhà nước là DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” tại Khoản 8, Điều 4, Luật DN 2014. Đồng thời, Khoản 1, Điều 78 và Điều 89, Luật DN 2014 quy định DN Nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Tuy nhiên, Luật DN 2020 đã bổ sung, sửa đổi quy định về DN Nhà nước theo hướng: DN Nhà nước bao gồm các DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thay vì 100% vốn điều lệ như Luật DN 2014.

Cụ thể, Điều 88, Luật DN 2020, DN Nhà nước theo nguyên tắc phân chia các loại DN có sở hữu Nhà nước theo mức độ sở hữu khác nhau gồm: DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Bên cạnh loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, việc Luật DN 2020 thừa nhận thêm DN Nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần là điều cần thiết, nhằm để giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước và sự ỷ lại hoàn toàn của DN trong hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, việc thừa nhận cổ phần hóa trong DN Nhà nước cũng là xu thế quốc tế khi hầu hết các quốc gia hiện nay như Mỹ, Anh và Úc đã cổ phần hóa toàn bộ các DN Nhà nước. Rõ ràng, về phía DN Nhà nước, xu thế này sẽ giúp cho loại hình này huy động được các nguồn lực từ xã hội và tạo nên sức ép cho bản thân về hiệu quả kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Về phía Nhà nước, nguồn vốn từ DN Nhà nước sẽ được tận dụng để phục vụ cho các dự án thiết yếu nhằm thúc đẩy chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững nền kinh tế.

Quy định về tổ chức lại DN

Trong nền kinh tế thị trường, mỗi loại hình DN được thừa nhận trong nền kinh tế thị trường là bình đẳng và không có sự phân biệt đối xử. Tuy nhiên, không phải tất cả đều giống nhau về cách thức tổ chức và địa vị pháp lý, mà thay vào đó, mỗi loại hình DN đều có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Vì thế, việc lựa chọn loại hình, cách thức tổ chức nào sẽ phụ thuộc vào ý chí của chủ sở hữu nhằm phát huy tối đa các lợi ích của họ. Đồng thời, nền kinh tế ngày càng phải đơn giản hóa các thủ tục, yêu cầu, cho phép chủ thể này thực hiện việc chuyển đổi, thay đổi sự lựa chọn của mình khi họ thấy các yếu tố hiện tại không còn phù hợp hay đáp ứng các nhu cầu của họ.

Có thể thấy, Luật DN 2014 chưa tạo điều kiện tối đa trong cơ cấu lại

và chuyển đổi giữa các loại hình DN. Rõ ràng, một số quy định còn gây khó khăn, mất thời gian cho các DN trong quá trình chuyển đổi và hạn chế sự tự do trong quá trình cơ cấu, tổ chức lại trong DN. Trước những bất cập đó, Luật DN 2020 đã xóa bỏ những giới hạn không cần thiết, mở rộng thêm khả năng tự do cho các DN khi tham gia vào nền kinh tế thị trường. Cụ thể:

Thứ nhất: Khoản 3, Điều 46, Luật DN 2020 bổ sung quy định công ty trách nhiệm hữu hạn được phát hành cổ phần để chuyển đổi thành công ty cổ phần. Việc sửa đổi này đã giải quyết được vướng mắc, trên thực tế là hiện nay công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên không thể chuyển đổi thành công ty cổ phần được, vì Luật DN 2014 không cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn phát hành cổ phần.

Thứ hai: Sửa đổi các quy định về chia, tách công ty.

Khoản 1, Điều 198 và Khoản 1, Điều 199, Luật DN 2020 sửa đổi cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần linh hoạt trong việc chia hoặc tách các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông thay cho việc giới hạn trong các phương thức cụ thể quy định tại Điều 192, Điều 193, Luật DN 2014. Đồng thời, bổ sung quy định rõ hơn về trách nhiệm của công ty được chia, tách trong việc tiếp nhận, kế thừa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty bị chia, tách. Theo đó, Khoản 4, Điều 198 và Khoản 4, Điều 199, Luật DN 2020 quy định rõ “Các công ty mới đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết, quyết định chia/tách công ty”.

Thứ ba: Các quy định về hợp nhất, sáp nhập công ty cũng được sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh mới ban hành.

Đồng thời, bổ sung quy định rõ hơn về trách nhiệm của công ty được hợp nhất, sáp nhập trong việc tiếp nhận, kế thừa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty bị hợp nhất, sáp nhập.

Thứ tư: Bổ sung các quy định về chuyển đổi DN tư nhân.

Trong quá trình hoạt động, nhiều DN tư nhân mong muốn chuyển đổi loại hình để phù hợp với việc kinh doanh do những hạn chế của DN tư nhân như: Không có tư cách pháp nhân và chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với mọi hoạt động của DN.

Theo quy định tại Điều 199, Luật DN 2014 thì DN tư nhân chỉ có thể chuyển đổi trực tiếp thành công ty trách nhiệm hữu hạn, không thể chuyển đổi trực tiếp thành công ty cổ phần hay công ty hợp danh.

Tuy nhiên, trên thực tế, chuyển đổi DN tư nhân thành công ty cổ phần vẫn có thể được thực hiện bằng cách gián tiếp. Cụ thể, chuyển đổi DN tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, sau đó chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196, Luật DN 2014. Thủ tục chuyển DN tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn trong trường hợp này không có ý nghĩa, nhưng lại tốn kém thời gian, chi phí và thậm chí ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của DN.

Do đó, Điều 199, Luật DN 2014 được sửa đổi thành Điều 205, Luật DN 2020 nhằm cho phép chuyển đổi DN tư nhân thành công ty cổ phần và công ty hợp danh. Quy định này sẽ tạo thuận lợi cho việc cơ cấu, tổ chức lại hoạt động của DN; giảm bớt các thủ tục, chi phí trung gian không cần thiết trong việc cơ cấu lại DN theo quy định hiện hành của Luật DN.

Các quy định mới của Luật DN 2020 liên quan đến chuyển đổi, cơ cấu lại DN sẽ có tính thiết thực rất cao trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam khi chúng tạo điều kiện thuận lợi, tối đa hóa hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của các DN và tăng cường khả năng cạnh tranh. Quan trọng hơn, nhiều rủi ro trong nền kinh tế thị trường cũng được giảm thiểu khi giải quyết được các tranh chấp nội bộ trong DN, tránh khả năng nhiều công ty rơi vào tình trạng giải thể hoặc phá sản và duy trì hoạt động khi không đáp ứng được điều kiện theo quy định của pháp luật (số lượng thành viên tối thiểu, vai trò của thành viên góp vốn...).

Ví dụ, năm 2019, trên thế giới rất nhiều DN mất khả năng thanh toán và trì trệ trong hoạt động kinh doanh vì đại dịch Covid-19 (tỷ lệ dự đoán tăng 35% DN rơi vào tình trạng phá sản). Tuy nhiên, với quy định của Luật DN 2020, việc tăng khả năng chuyển đổi các loại hình và giảm bớt các yêu cầu về cơ cấu, tổ chức lại có thể tăng khả năng duy trì sự tồn tại của nhiều DN tại Việt Nam và đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế trước mối đe dọa của dịch bệnh.

Khi mức độ rủi ro kinh doanh của một quốc gia được giữ ở một mức thấp sẽ tạo ra xu hướng thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, khi họ luôn tin rằng môi trường kinh doanh ở Việt Nam là an toàn và đáng tin cậy.

Bổ sung các quy định bảo vệ cổ đông

Nền kinh tế thị trường được xem hiệu quả khi mà trách nhiệm quản trị trong các thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật phải luôn được duy trì ở mức cao. Đây cũng là yếu tố được đề cập trong tiêu chí thứ 3 của EU, trong việc công nhận một quốc gia có nền

kinh tế thị trường. Cụ thể, Luật DN cần được ban hành và thực thi minh bạch và bình đẳng, bảo đảm quản trị DN một cách phù hợp (bảo vệ cổ đông, tiếp cận thông tin về DN). Theo OECD, quản trị DN (corporate governance) là một cơ chế tổng hợp để duy trì hoạt động cho các lợi ích của chủ sở hữu hay người góp vốn. Quản lý DN hiệu quả sẽ giúp củng cố môi trường kinh doanh đáng tin cậy, nâng cao sự an toàn cho việc thu hút đầu tư, ổn định tài chính và mở rộng việc huy động vốn.

Về công ty cổ phần, thực tế, hoạt động kinh doanh ở Việt Nam hiện nay cho thấy vấn đề quản trị loại hình đã được cải thiện một cách đáng kể, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều trở ngại, đặc biệt xuất phát từ việc cân bằng quyền lợi cổ đông. Điều này có thể hiện thông qua các xung đột lợi ích giữa các cổ đông trong quá trình quản trị công ty. Cụ thể, các cổ đông lớn kiểm soát tất cả hoạt động của DN và bộ máy quản lý, trong khi đó các cổ đông nhỏ bị chi phối và chiếm đoạt quyền lợi. Từ đó, có thể thấy bảo vệ cổ đông là một nội dung quan trọng nhất của quy định về khung quản trị DN.

Luật DN 2020 đã mở rộng quyền cổ đông, tạo thuận lợi hơn cho cổ đông thực hiện các quyền của mình và bảo vệ quyền lợi của mình khi bị xâm phạm, cụ thể:

Thứ nhất: Luật DN 2020 sẽ trao quyền cho phạm vi đối tượng cổ đông lớn hơn Luật DN 2014. Khoản 2, Điều 115, Luật DN 2020 mở rộng quyền của cổ đông thông qua quy định giảm bớt yêu cầu về tỷ lệ sở hữu cổ phần, giảm từ 10% xuống 5%, đồng thời bãi bỏ điều kiện “phải sở hữu trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng”.

Điều 166, Luật DN 2020 về quyền khởi kiện đối với thành viên

Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc cũng bãi bỏ điều kiện cổ đông, nhóm cổ đông “phải sở hữu liên tục trong thời hạn 6 tháng” nhằm mở rộng phạm vi quyền của cổ đông, nâng cao mức độ bảo vệ cổ đông, nhà đầu tư. Đồng thời, bổ sung quyền cho cổ đông được xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của tòa án, trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Việc bãi bỏ quy định về thời gian sở hữu “ít nhất 6 tháng liên tục” nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Thực tế, nhiều nhà đầu tư đã mua lượng cổ phần rất lớn trong DN nhưng do chưa đáp ứng được quy định về thời gian sở hữu ít nhất 6 tháng liên tục, do đó không thực hiện được quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Ngoài ra, cổ đông được trao thêm quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty quy định tại Khoản 4, Điều 153, Luật DN 2020.

Thứ hai: Bổ sung thêm các quyền cho Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm k, l, m, Khoản 2, Điều 138, Luật DN 2020 như:

“k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết”.

Đây là các nội dung quan trọng, có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến

quyền và lợi ích của chính các cổ đông. Theo thông lệ quản trị công ty tốt, cổ đông phải có quyền tham gia thảo luận và quyết định về những vấn đề như: quyết định kiểm toán độc lập, quyết định ngân sách và tổng mức thù lao hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,...

Ngoài ra, Luật DN sửa đổi cũng nhằm mục tiêu lớn hơn và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích của cổ đông; hạn chế tình trạng cổ đông lớn lạm dụng quyền hạn để chèn ép, chiếm đoạt lợi ích của cổ đông nhỏ.

Trong những năm gần đây, quy định về bảo vệ cổ đông, nhà đầu tư có cải thiện mạnh mẽ, hiện xếp hạng 89 trên 190 quốc gia (so với thứ hạng 117 năm 2014, thứ hạng 169 năm 2013). Mặc dù vậy, nếu so sánh với các quốc gia xung quanh, mức độ bảo vệ nhà đầu tư theo pháp luật nước ta còn thấp xa so với Indonesia – quốc gia tương đồng nhất; thấp hơn nhiều so với Thái Lan, Singapore và Malaysia. Và thực tế, thực thi Luật DN 2014 cho thấy một số quy định chưa thực sự tạo thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền của mình. Thậm chí, một số quy định vô tình tạo rào cản cho cổ đông trong bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình hoặc bị cổ đông lớn, công ty lạm dụng gây thiệt hại cho cổ đông. Ví dụ như yêu cầu cổ đông phải sở hữu một lượng cổ phần nhất định và trong thời hạn nhất định mới được thực hiện các quyền như đề cử, tiếp cận thông tin, yêu cầu đình chỉ quyết định của công ty,...

Trong khi đó, luật pháp một số quốc gia quy định các yêu cầu này rất thấp như Nhật Bản sở hữu 1 cổ phiếu là có quyền yêu cầu cung cấp thông tin DN hay Hàn Quốc chỉ áp dụng với mức 3% tỷ lệ sở hữu cổ phần để thực hiện các quyền này. Tiếp thu quy định về vấn đề này

của các quốc gia khác trên thế giới và thông lệ tốt về quản trị công ty và nguyên tắc quản trị công ty của OECD, Luật DN 2020 đã giảm bớt các điều kiện này và mở rộng phạm vi quyền cổ đông lớn hơn trong việc bảo vệ lợi ích của họ, để ngày càng phù hợp hơn với tiêu chuẩn của thế giới. Việc hoàn thiện quy định về bảo vệ cổ đông theo Luật DN 2020, sẽ góp phần quan trọng làm cho loại hình công ty cổ phần trở thành một công cụ kinh doanh an toàn hơn trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Thông qua đó, việc huy động vốn góp sẽ được cải thiện đáng kể và nguồn vốn sẽ trở nên đa dạng khi số lượng các nhà đầu tư tin tưởng thị trường Việt Nam ngày càng tăng. Việc thực thi quy định này trong tương lai sẽ giúp cho giá trị của các công ty cổ phần tại Việt Nam và giá cổ phiếu tăng cao, tăng sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận vốn của loại hình này ở trong nước và quốc tế.

Các quy định về cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã đặt ra yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Vì thế, một trong những cải cách quan trọng của Luật DN 2020 là cắt giảm thủ tục hành chính, sử dụng mạng điện tử để tạo thuận lợi hơn cho việc đăng ký DN, gia nhập thị trường, cụ thể:

Thứ nhất, bãi bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Luật DN 2014 đã có cải cách rất lớn về cơ chế quản lý con dấu DN, chuyển từ việc cơ quan công an cấp dấu sang cơ chế DN tự quyết định làm dấu và sử dụng con dấu. Tuy nhiên, theo quy định của

Luật DN hiện hành, thì DN vẫn phải làm thủ tục thông báo mẫu dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh, để công khai trên Cổng thông tin quốc gia về DN.

Thực tế, sau 4 năm thực hiện Luật DN cho thấy, không còn cần thiết cần phải can thiệp của cơ quan Nhà nước vào việc làm dấu, sử dụng dấu của DN. Nói cách khác, việc sử dụng dấu nên giao cho DN tự quyết định theo Điều lệ hoặc quy chế hoạt động, tùy vào mục tiêu, nhu cầu sử dụng dấu. Điều này có nghĩa là, thủ tục thông báo mẫu dấu của DN không còn cần thiết và có thể bãi bỏ.

Bãi bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu và thay đổi phương thức quản lý dấu, trao quyền cho DN sẽ có nhiều tác động tích cực. Ngoài việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chi phí cho DN còn góp phần giảm thiểu tranh chấp nội bộ của DN. Ngoài ra, việc “lạm dụng” con dấu trong nhiều trường hợp làm cho giao dịch kém tính khả thi của các giao dịch, do các bên bỏ qua việc nghiên cứu, tìm hiểu năng lực đối tác khi ký hợp đồng, mà chỉ dựa vào việc đóng dấu; lợi dụng dấu để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản đối tác.

Đồng thời, Điều 43, Luật DN 2020 quy định DN có thể sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử thay cho con dấu truyền thống.

Cải cách triệt để về con dấu, trao toàn quyền cho DN quyết định về dấu sẽ giúp giảm thiểu các hậu quả phát sinh từ cách thức quản lý dấu hiện nay.

Thứ hai, bổ sung quy định về đăng ký DN qua mạng thông tin điện tử.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số

724/CT-ĐTg, Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để hạn chế tối đa việc tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức với người dân, DN khi giải quyết công việc. Điều 26, Luật DN 2020 quy định người thành lập DN hoặc người được ủy quyền có thể thực hiện đăng ký DN qua mạng thông tin điện tử. Hồ sơ đăng ký DN qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định tại luật này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký DN, qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký DN bằng bản giấy. Như vậy, người thành lập DN không phải nộp thêm bộ hồ sơ giấy như hiện nay.

Việc luật hóa quy định về đăng ký DN qua mạng điện tử sẽ tạo thuận lợi cho DN khi đăng ký DN qua mạng điện tử; góp phần đẩy mạnh tỷ lệ đăng ký DN qua mạng điện tử trong thời gian tới; cắt giảm chi phí và thời gian đăng ký DN theo tinh thần Nghị quyết 02 của Chính phủ về cải thiện chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh.

Để phát triển nền kinh tế thị trường bền vững và lâu dài, hội nhập quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin là hai yêu cầu quan trọng luôn được đặt ra. Việc thực thi Luật DN 2020, có khả năng sẽ góp phần hiện thực hóa các yếu tố này trên thực tế ở mức độ cơ bản. Xét ở khía cạnh hội nhập quốc tế, việc bãi bỏ một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính sẽ giúp thế giới có cái nhìn thiện cảm hơn về môi trường kinh doanh của Việt Nam. Hiện nay, đối với nhiều quốc gia, thị trường của Việt Nam rất tiềm năng để phát triển vì có nguồn lực trẻ, dồi dào và chi phí

sản xuất không cao. Tuy nhiên, điều mà các nhà đầu tư nước ngoài lo ngại nhất đó là thủ tục hành chính tại đây quá phức tạp và tốn nhiều thời gian so với các quốc gia khác. Với việc giảm bớt một số thủ tục không cần thiết cũng là cách để thu hút những nguồn vốn nước ngoài, kích thích sự đa dạng hóa thị trường trong nền kinh tế của Việt Nam. Xét ở khía cạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các quy định mới của Luật DN 2020 đã thể hiện được sự tiếp thu của Việt Nam từ các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển như Mỹ và Úc. Ví dụ, ở Úc, để đăng ký thành lập, chuyển đổi DN, chủ đầu tư chỉ cần điền thông tin theo mẫu trên mạng của cơ quan đăng ký DN ở từng Bang và hồ sơ sẽ được cập nhật liên tục trên hệ thống Internet của cơ quan. Sau 20 ngày, mã số ABN sẽ được cung cấp qua thư điện tử của chủ thể đăng ký.

Kết luận

Nền kinh tế thị trường chỉ có thể phát triển trong một môi trường pháp lý lành mạnh và thích hợp. Đây là điều không ai có thể phủ nhận. Để có môi trường pháp lý lành mạnh và thích hợp cho việc xây dựng kinh tế thị trường, những quy định mới của Luật DN 2020 đóng vai trò rất quan trọng.

Luật DN 2020 đã xác định được những bất cập, tồn tại của Luật DN 2014, từ đó sửa đổi các quy định có tính đồng bộ, nhằm tạo ra môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi, ổn định, hạn chế được các rủi ro cho nhà đầu tư, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước sẽ đẩy nhanh quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Qua đó, giúp gia tăng khả năng hội nhập của các DN Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa. ■

Tài liệu tham khảo

- A. Văn bản pháp luật
1. Hiến pháp nước Việt Nam năm 2013.
2. Luật DN (Luật số 68/2014/QH13) ngày 26/11/2014.
3. Luật DN (Luật số 59/2020/QH14) ngày 17/6/2020.
4. Tờ trình số: 533 /TTr-CP, ngày 28/10/2019 của Chính phủ, v/v Luật DN (sửa đổi).
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 9/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- B. Tạp chí tham khảo
1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bản thuyết minh chi tiết về dự án Luật DN (sửa đổi) (Kèm theo Báo cáo số 7900/BC-BKHĐT, ngày 25/10/2019).
2. Nguyễn Mạnh Thắng (2018), “Đồng bộ hóa luật tư hiện nay trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường: sự cần thiết và định hướng”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 7 (334), tr10.
3. Hoàng Mến, “Sáu vai trò của Luật kinh doanh đối với nền kinh tế” <https://sites.google.com/site/h0angm3n/ly-luan-chung-ve-luat-kinh-doanh/6-vai-tro-cua-luat-kinh-doanh-doi-voi-nen-kinh-te>, truy cập ngày 26/8/2020.
4. Thanh Phương (2020), “Khoảng 35% DN toàn cầu có thể phá sản do dịch COVID-19”, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/khoang-35-doanh-nghiep-toan-cau-co-the-pha-san-do-dich-covid19-325754.html>
5. Hải Đăng (2019), “Việt Nam cần sớm hoàn thiện nền kinh tế thị trường”, <https://khoaocphattrien.vn/chinh-sach/viet-nam-can-som-hoan-thien-nen-kinh-te-thi-truong/20190509040117348p1c785.htm>
6. Phan Hoàng Ngọc (2016), “Bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đáp ứng thông lệ và chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty”, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/bao-ve-quyen-loi-cua-co-dong-dap-ung-thong-le-va-chuan-muc-quoc-te-ve-quan-tri-cong-ty-115762.html>
7. Quang Lộc (2019), “Nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị DN Nhà nước”, <https://congthuong.vn/nang-cao-hieu-qua-cua-he-thong-quan-tri-dn-nha-nuoc-122963.html>
8. Phan Phương (2018), “Hiệu quả hoạt động DN Nhà nước chưa tương xứng nguồn lực”, <https://baotintuc.vn/chinh-tri/hieu-qua-hoat-dong-doanh-nghiep-nha-nuoc-chua-tuong-xung-nguon-luc-20180528092856713.htm>
9. Lê Quân (2019), “Tranh cãi trao quyền tiếp cận thông tin cho cổ đông sở hữu 1% cổ phần”, <https://baodautu.vn/tranh-cai-trao-quyen-tiep-can-thong-tin-cho-co-dong-so-huu-1-co-phan-d109123.html>
10. Lưu Xuân Công, Vũ Tiến Dũng (2018), “Vai trò chủ đạo của nền kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước 17/01/2018.
11. Phạm Thị Tường Vân, Mai Thị Hải (2020), “Cổ phần hóa DN Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020: Thực trạng và một số khuyến nghị”, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/co-phan-hoa-doanh-nghiep-nha-nuoc-giai-doa-2016-2020-thuc-trang-va-mot-so-khuyen-nghi-323115.html>.

Hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong quản lý thu chi ngân sách tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương



TS. Phạm Quốc Thuận*
Huỳnh Thúy Kiều**

Nhận: 07/12/2020
Biên tập: 15/12/2020
Duyệt đăng: 22/12/2020

Nghiên cứu này hướng đến việc đo lường mức độ thực hiện của kiểm soát nội bộ đối với quản lý thu chi ngân sách trong các đơn vị hành chính sự nghiệp tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quan điểm của INTOSAI. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ thực hiện kiểm soát nội bộ được đánh giá ở mức độ chấp nhận được, với số điểm là 3,6448/5 điểm.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ, quản lý thu chi ngân sách, Intosai, đơn vị hành chính sự nghiệp.

Abstract

This research aims to assess the internal control application of revenue and expenditure budget management based on five components that make up internal controls by INTOSAI at public sector entities in Phu Giao district, Binh Duong province, Vietnam. The findings show that the internal control system application at public sector entities in Phu Giao district, Binh Duong province Vietnam is considered acceptable with average point being 3.6448/5.

Keywords: Internal control, of revenue and expenditure budget management, Intosai, public sector entities.

1. Giới thiệu

Việc kiểm tra, giám sát, quản lý các khoản thu – chi, các nghĩa vụ thu, nộp thanh toán nợ, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán là nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với bất cứ cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp (DN) nào (Thu & Thủy, 2019). Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng trên, công tác kiểm soát và giám sát là một biện pháp quan trọng để quản lý tài chính công, góp phần đảm bảo công tác quản lý và sử dụng tài chính công đúng mục đích và hiệu quả.

Phú Giáo là một huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Bình Dương, cách TP.HCM khoảng 70 km. Nguồn thu ngân sách huyện Phú Giáo gồm có thu thuế, thu phí, lệ phí, các khoản thu khác. Chi ngân sách huyện bao gồm các khoản chi sau: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, các khoản chi khác. Công tác quản lý thu chi

* Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG - HCM

** Học viên Cao học Trường Đại học Thủ Dầu Một